TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày: 25-5-2021
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Ông Võ Ngọc Bột

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần T K, sinh năm 1980; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn T N G, sinh năm 1981; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà K có mặt, bà G vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần T K:* Yêu cầu bà Nguyễn T N G trả số nợ hụi là 51.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Biên nhận (không ghi ngày tháng).

- *Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn T N G:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn T N G vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- *Tình tiết vụ án:*

Nguyên đơn bà Trần T K trình bày: Vào khoảng tháng 05 năm 2019, bà K mở 02 dây hụi tuần, hụi 1.000.000 đồng, mỗi dây hụi có 30 phần và bà G tham gia

01 phần mỗi dây hụi. Sau khi mở hụi, bà G đã lĩnh hụi đối với cả 02 dây hụi nhưng không đóng hụi đầy đủ, cụ thể 01 dây còn nợ 26 kỳ chưa đóng là 26.000.000 đồng và 01 dây còn nợ 25 kỳ chưa đóng là 25.000.000 đồng, bà K là chủ thảo hụi nên đã phải thay bà G đóng hụi để giao tiền cho các hụi viên khác. Đối với chi tiết từng dây hụi bà K không nhớ rõ vì 02 dây hụi đã kết thúc và hai bên đã tổng kết nợ hụi xong nên bà K không còn giữ giấy tờ, sổ sách. Sau khi dây hụi kết thúc, bà K và bà G thống nhất lại nợ hụi nên bà G có làm biên nhận nợ số tiền 51.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đến ngày 10-01-2020 bà G phải trả hết nợ cho bà K nhưng bà G không thực hiện theo thỏa thuận kéo dài đến hiện nay.

Đối với bị đơn bà Nguyễn T N G, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần T K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn T N G trả số tiền 51.000.000 đồng. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ hợp đồng dân sự về hụi được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hụi" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn T N G:

Xét thấy bà Nguyễn T N G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn T N G.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần T K:

Bà Trần T K yêu cầu bà Nguyễn T N G trả số tiền hụi là 51.000.000 đồng. Chứng cứ bà K đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ (không ghi ngày tháng), biên nhận có nội dung như sau:

"Tôi tên Nguyễn T N G SN 1981 Địa chỉ:……. Có thiếu tiền hụi của Trần T K SN 1980 Địa chỉ: …….

Số tiền là 51.000.000đ (Năm mươi mốt triệu đồng chẵn) thiếu từ ngày 5/6/2019 (DL) Đến nay. Tôi hẹn 10/1/2020 trả"

Phía dưới tại mục *"Người thiếu"* có chữ ký và chữ viết ghi họ tên *"Nguyễn T N G"*.

Xét thấy bà G đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và bản sao biên nhận nợ nên bà G đã biết rõ yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ của bà K nhưng bà G không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của bà K và chứng cứ biên nhận nợ là đúng sự thật và có đủ căn cứ để xác định bà G còn nợ bà K số tiền hụi là 51.000.000 đồng.

Căn cứ biên nhận nợ, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 10-01-2020, đến hạn trả nợ bà G không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó bà K khởi kiện yêu cầu bà G trả số tiền hụi 51.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà K xác định hai bên không thỏa thuận trả lãi khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và bà K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Về án phí:

Bà Nguyễn T N G có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.550.000 đồng (tương ứng với 5% yêu cầu khởi kiện của bà Trần T K được chấp nhận).

Bà Trần T K được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần T K đối với bà Nguyễn T N G.

Buộc bà Nguyễn T N G trả cho bà Trần T K số tiền 51.000.000 đồng (năm mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn T N G có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Trần T K không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.275.000 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000206 ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần T K có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn T N G có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng